

# Các CÁCH DÙNG của Mạo từ A/AN, THE và các trường hợp KHÔNG DÙNG MẠO TỪ

## \* CÁCH PHÂN BIỆT TỔNG QUÁT:

- Danh từ KHÔNG đếm được và Danh từ số nhiều => KHÔNG dùng A, AN
- Danh từ đếm được số ÍT => chắc chắn phải có A, AN hoặc THE
- Danh từ được nhắc đến lần 2 trở lên => dùng THE (vẫn cần xét theo nghĩa).

## \* CẦN NHỚ:

- AN + Nguyên Âm - U, E, O, A, I
- A + Phụ Âm

## nhưng:

- AN + Hour, Honour, Honest, M.C
- A + University, Uniform, Unique, **One-way street**

(việc quyết định điền A hay AN phụ thuộc vào PHIÊN ÂM của từ đó chứ không hẳn là cấu tạo từ).

## PHẦN 1: A, AN

### 1. A (AN) dùng để giới thiệu về nghề nghiệp, địa vị, giống, kiểu ..... của 1 người, 1 vật – chỉ dùng cho DANH TỪ ĐẾM ĐƯỢC

Vd:

- I am a tour guide (Tôi là 1 hướng dẫn viên du lịch)
- It is an elephant (Nó là 1 con voi)
- He is a wise man (Hắn là một thằng khôn ngoan)

### 2. A (AN) dùng để giới thiệu về 1 người, 1 vật lần đầu tiên được nhắc đến và chưa xác định hay chỉ chung chung:

Vd:

- She has a farm in her village (cô ấy có 1 trang trại ở làng mình)
- I often have an egg for my breakfast (Tôi thường ăn 1 quả trứng cho bữa sáng)

## PHẦN 2: THE

=> THE dùng cho cả Danh từ số Ít, Danh từ số Nhiều, danh từ Đếm được, Danh từ Không đếm được. Vd: the child, the trees, the water.

### 1. THE dùng cho người, vật ĐÃ XÁC ĐỊNH. (cả người nói và người nghe đều biết)

Vd: - Her mother says to her : “Your cake is in the kitchen”  
(Mẹ cô ấy nói với cô ấy: “Bánh của con ở trong bếp.” (ngâm hiểu là BẾP NHÀ HỌ => xác định)

### 2. THE dùng cho người, vật được NHẮC LẠI LẦN THỨ 2 TRỞ ĐI, sau khi đã được giới thiệu.

Vd: - She has a farm in her village. The farm is very large.  
(cô ấy có 1 trang trại ở làng mình. Trang trại rất rộng)

### 3. THE dùng cho các Danh từ là VẬT DUY NHẤT:

THE SUN, THE MOON, THE GLOBE, THE WORLD,.....

### 4. THE + NGƯỜI của 1 NƯỚC ở số NHIỀU = chỉ chung đặc điểm của người nước đấy.

Vd: The Americans (những người Mỹ), the Scots (những người Scotland)

(The scots are not very generous with money = người Scotland không thoáng về tiền bạc lắm)

—

=> Nếu như danh từ chỉ người của 1 nước kết thúc bằng S, SE, CH, SH, ..... thì giữ nguyên.

Vd: The Vietnamese (người Việt Nam), The French (người Pháp)

### 5. THE + SỐ THỨ TỰ

THE FIRST, THE SECOND, THE LAST (thứ nhất, thứ hai.....cuối cùng)

### 6. THE dùng cho SO SÁNH HƠN NHẤT CỦA TÍNH TỪ

Vd: She is THE MOST BEAUTIFUL/ THE BEST (cô ấy là người đẹp nhất/ giỏi nhất)

## 7. THE ONLY + N = duy nhất

ví dụ: The only girl = cô gái duy nhất.

\* **chú ý:** khi có THE thì THE ONLY = duy nhất nhưng khi không có THE thì ONLY = chỉ có. ví dụ: Only three boys were chosen. (chỉ có 3 thằng được chọn).

## 7. THE + CÁC ĐẠI DƯƠNG

+ the Atlantic (Đại Tây Dương),

+ the Pacific (Thái Bình Dương)

## 8. THE + TÊN NHẠC CỤ, nhất là khi đi kèm với từ PLAY.

Vd: He plays THE PIANO, THE VIOLIN, THE FLUTE (sáo), THE ORGAN.....

- có thể có dạng Nhạc Cụ không có THE khi đi với từ TEACH.

ví dụ: He teaches piano at a primary school. (nó dạy piano ở trường tiểu học)

## 9. THE sẽ dùng với các Danh từ mà CÓ LIÊN QUAN ĐẾN 1 SỰ KIỆN NÀO ĐÓ.

Vd: He will sell THE CAR HE LIKES VERY MUCH  
(nó sẽ bán chiếc xe nó yêu thích nhất)

## 10. THE + 1 DANH TỪ có thể ĐẠI DIỆN cho TẤT CẢ LOÀI hay LOẠI của danh từ đấy mà nó KHÔNG CẦN PHẢI XÁC ĐỊNH - ở đây muốn nhấn mạnh tới sự riêng biệt của nó so với loài, loại khác.

Vd:

- The dolphin is an intelligent animal  
(cá heo là 1 loài động vật thông minh)

=> ở đây không xác định là con cá heo nào mà vẫn là nói chung chung về loài cá heo.

## 11. THE + TÊN NƯỚC có dạng SỐ NHIỀU

- The United States (Mỹ), The Philippines (Phi-lip-pin), the Netherlands (Hà Lan)

## PHẦN 3. KHÔNG DÙNG MẠO TỪ

**1. Khi để giới thiệu về nghề nghiệp, địa vị, giống, kiểu ..... của 2 người, 2 vật trở lên. Và đó là Danh từ số nhiều NÓI CHUNG CHUNG, KHÔNG XÁC ĐỊNH.**

Vd:

- We are tour guides.

(chúng tôi là những hướng dẫn viên du lịch)

- I have eggs for my breakfast.

(Tôi ăn trứng vào bữa sáng) => ngầm hiểu là ăn từ 2 quả trở lên)

**2. Khi đó là DANH TỪ KHÔNG ĐẾM ĐƯỢC, KHÔNG XÁC ĐỊNH, ĐƯỢC NHẮC ĐẾN LẦN ĐẦU.**

Vd:

- Water is necessary for us.

(nước thì cần thiết cho chúng ta)

- We are drinking coffee.

(bọn tao đang uống cà phê)

**3. BY + TRAIN/ AIR/ CAR/ BUS/ BIKE, MOTORBIKE/SEA (đi bằng phương tiện gì) – không dùng Mạo từ.**

**4. TÊN QUỐC GIA SỐ ÍT:** Vietnam, China, France .....

**5. TÊN RIÊNG của NGƯỜI, ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH** (Ha Noi, Paris. Tokyo)

**6. Khi nói về HÀNH ĐỘNG LIÊN QUAN ĐẾN ĐỊA ĐIỂM và thường KHÔNG XÁC ĐỊNH ĐỊA ĐIỂM ĐẤY mà chỉ muốn nói CHUNG CHUNG:**

- at school (đang học ở trường phổ thông)

- at university (đang học ở trường đại học)

- in hospital (đang nằm viện)

**7. Các TRẠNG TỪ CHỈ THỜI GIAN:** last week/month/year, today, tonight, tomorrow, next week/month/year.

## **8. Tên một số LỄ HỘI nếu chỉ CHUNG CHUNG hoặc THEO 1 MỤC ĐÍCH**

CHRISTMAS, VALENTINE, HALLOWEEN.....

ví dụ: What do you do at Christmas?  
(không dùng gì trước Christmas)

## **9. Trước ĐẠI TỪ NHÂN XUNG/ TÍNH TỪ SỞ HỮU/ TÂN NGỮ (của ĐTNX)**

Vd: take me to YOUR heart

## **10. Trước Danh từ TRỪU TƯỢNG – khi nói chung chung:**

LOVE, BELIEF (niềm tin), TIME (thời gian), SPACE (không gian) .....

Vd: Love is sorrowful (yêu là đau khổ)

=> dùng THE trước các từ này khi nó xác định hoặc trong cách dùng khác